TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-PT
Ngày: 25-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Ông Sùng A Xà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Đức Công - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo Giàng A C và Giàng A S do có kháng cáo của bị cáo Giàng A C và Giàng A S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Giàng A C (tên gọi khác: Không); sinh năm 1972; Tại: Điện Biên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A T (Đã chết) và con bà: Lý Thị Y (Đã chết); vợ: Lý Thị O và 04 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính về một hành vi nào; chưa bị kết án về một tội phạm nào; bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2018, được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/8/2019. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Giàng A S. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1993; Tại: Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A C và con bà: Lý Thị O; vợ: Lý Thị U và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015;

tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính về một hành vi nào; chưa bị kết án về một tội phạm nào; bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2018. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A C:* Ông Bùi Đình M - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S:* Ông Nguyễn Quang K - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Giàng A C, Giàng A S:* Ông Trần Viết H - Luật sư, văn phòng luật sư Công lý Hà Nội. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Ông Sủng A N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Bản NC, xã P, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Chị Lý Thị U, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Giàng A L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Ông Giàng A I, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Ông Vàng A Y, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Ông Sủng A Z, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bản NC, xã P, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

5. Bà Hờ Thị G, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Bản NC, xã P, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Giàng A T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Ông Giàng A F, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Ông Giàng A X, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Bà Ly Thị O, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

5. Chị Giàng Thị Đ, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

6. Ông Giàng A Ph, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

7. Ông Vàng A Th, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

8. Ông Giàng A V, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

9. Ông Giàng A Ư, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Bản H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

10. Ông Sùng A Q, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản NC, xã P, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sủng A N và Lý Thị U quen biết nhau vào khoảng tháng 9/2018 cả hai cho nhau số điện thoại và thường xuyên gọi điện trò chuyện với nhau, vào buổi sáng ngày 27/10/2018, N gọi điện thoại cho U nói chuyện cả hai hẹn nhau đến buổi tối sẽ gặp nhau tại lán trông ruộng của nhà U ở khu vực bản H, xã N, huyện Đ để trò chuyện. Việc N và U hẹn gặp nhau bị Giàng A C là bố chồng của U biết chuyện, C nghi ngờ U ngoại tình nên đã gọi điện cho con trai là Giàng A S (chồng của U) đang đi làm thuê ở huyện A, nói lại sự việc và bảo S về nhà để xem thế nào. Khoảng 19 giờ cùng ngày C đi xe máy đến khu vực ngã ba đường rẽ xuống lán ruộng đứng chờ S, một lúc sau thấy S đi nhờ xe mô tô của Giàng A T từ huyện A về, khi cả ba đang đứng nói chuyện thì gặp Giàng A X đang đi xem ruộng, C đã nói lại toàn bộ nội dung sự việc nghi ngờ con dâu là Lý Thị U vợ của S ngoại tình cho Giàng A X, Giàng A S và Giàng A T biết. Sau đó C bảo S và T đi đến đường rẽ xuống ruộng phía gần Trại giam N, còn C và X đứng ở mỏm đất cao khu gần đường rẽ xuống lán ruộng để quan sát, nếu có người đi vào lán ruộng thì sẽ đi theo để xem có đúng là người đó ngoại tình với con dâu hay không. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Sủng A N điều khiển xe máy đi qua Trại giam N hướng lên bản H, xã N, khi đến lưng chừng dốc do không biết đường vào lán ruộng, N dừng xe tắt máy rồi gọi điện thoại cho Lý Thị U hỏi đường, sau khi được U chỉ dẫn N quay xe rẽ theo đường mòn phía gần Trại giam N, đến bãi rong riềng gần ruộng N để xe máy lại rồi dùng đèn của điện thoại soi đường đi bộ men theo bờ suối, rồi đi tắt qua ruộng vào lán trông ruộng. Khi đó S quan sát thấy N để xe máy ở bãi rong riềng và soi đèn đi hướng vào lán ruộng thì gọi điện thoại nói cho C biết. C bảo S: C đi theo sau luôn, nếu vào lán ruộng nhà mình thì vào bắt luôn. C tắt máy và bảo X: S bảo có người để xe máy ở bãi rong riềng gần ruộng rồi, anh đi đến chỗ để xe, nếu có ai đến lấy xe máy thì hỏi xem là ai, đến đây để làm gì. Nói xong C đi theo đường xuống phía lán trông ruộng còn X đi bộ đến chỗ N để xe máy.

N soi đèn đi đến lán ruộng thì gặp U đang ngồi trên sàn lán, N đứng ở dưới đất hỏi U: Lán ở chỗ rậm thế này thì đường từ nhà xuống ở chỗ nào? U trả lời: Từ nhà xuống chỉ để xe máy ở bãi bằng trên kia, đường dốc không xuống được đồng thời U chỉ cho N đường mòn cạnh lán, N đi theo đường mòn lên dốc để xem đường.

Khi C theo đường mòn đến cách lán ruộng khoảng hơn 10 mét thì gặp N đang đi theo đường mòn về phía C, C bật đèn pin đang đeo trên đầu soi vào mặt N rồi vật N đè xuống đất và hô to: Lên đây, trên này rồi, lúc đó S kéo theo Lý Thị U, tiếp theo sau T cũng đến chỗ C đang giữ N. S hỏi N và U: Hai người chúng mày có biết nhau không? N và U đều trả lời là: Có biết nhau. S nói tiếp: Hai người chúng mày ở đây thì chắc quan hệ với nhau rồi. S dùng tay, chân tát, đấm đá vào mặt vào người N. Sau đó S quay lại lán ruộng lấy 01 đoạn dây thừng màu xanh quay lại buộc 01 đầu dây vào cổ tay phải của N, đầu dây còn lại buộc vào cổ tay trái của U, rồi C, S dẫn N và U theo đường mòn lên đường nhựa đi đến chỗ N đã giấu xe máy. Đến nơi S gỡ đầu dây đang buộc ở cổ tay U ra và buộc vào gương xe máy của N, rồi yêu cầu N dắt xe còn U đẩy phía sau xe máy đi về bản giải quyết. Giàng A X, Giàng A T cũng đi theo về bản. Tại nhà C, S lấy 01 sợi dây thừng màu trắng buộc 01đầu dây vào cổ tay trái của U rồi tiếp tục dùng phần đầu dây còn lại buộc chung lại với tay phải của N. Sau đó C có nhờ Giàng A L đến lập "Biên bản bắt quả tang" có nội dung là bắt quả tang về việc N và U đang quan hệ tình dục tại lán ruộng của ông Giàng A C và "Biên bản niêm phong tang vật" tạm giữ toàn bộ giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe mô tô của N. Khi lập các biên bản xong C bảo N gọi điện cho gia đình đến để giải quyết sự việc. Khoảng 22 giờ cùng ngày C, S đưa Sủng A N và Lý Thị U đến nhà trưởng bản Vàng A Y chờ gia đình N đến giải quyết. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì Sủng A Z là anh trai của N và Hờ Thị G là vợ của N cùng một số người trong gia đình của N đến nhà Vàng A Y. Sau khi trao đổi, thỏa thuận gia đình N đồng ý bồi thường danh dự cho gia đình S số tiền là 20.000.000đ. Khoảng 06 giờ ngày 28/10/2018 Lý Thị U được C, S cho về nhà; khoảng 09 giờ cùng ngày N được C, S cho về nhà để chữa trị vết thương; Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2018 Sủng A Z giao 19.900.000đ cho Giàng A C, khi nhận tiền C đã nhờ Giàng A I lập biên bản thỏa thuận, sau đó C trả lại các đồ vật đã giữ của N cho Z.

Ngày 04/11/2018, Sủng A N có đơn tố giác tội phạm gửi Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ, đề nghị xử lý vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 192/TgT ngày 16/11/2018 của Trung tâm pháp y sở Y tế tỉnh Điện Biên kết luận: Tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Sủng A N hiện tại là 13%.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 155; Điều 282; 299 và 326/BLTTHS. Đình chỉ vụ án cố ý gây thương tích đối với bị cáo Giàng A S.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157/BLHS; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58/BLHS; khoản 4 Điều 328/BLTTHS đối với bị cáo Giàng A C.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58/BLHS đối với bị cáo Giàng A S.

Tuyên bố: Bị cáo Giàng A C và bị cáo Giàng A S đều phạm tội *"Bắt giữ người trái pháp luật"*

- Xử phạt bị cáo Giàng A S 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 24/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Giàng A C 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/8/2019.

Tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Giàng A C cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Giàng A C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi tuyên án ngày 21/8/2019 và ngày 26/8/2019, Bị cáo Giàng A S và Giàng A C có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên với nội dung: Bị cáo Giàng A C cho rằng bị cáo bị oan, bị cáo Giàng A S kháng cáo xin đươc hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Giàng A C giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật, hành vi đó của bị cáo chỉ là bảo vệ tài sản của gia đình và hạnh phúc của các con;

Bị cáo Giàng A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai và không có ý kiên tranh luận gì với bản kết luận của Kiểm sát viên và đề nghị HĐXX xem xét xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho rằng: Về hình thức, đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định, được coi là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Về việc kháng cáo kêu oan của bị cáo Giàng A C, thấy rằng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và lời khai của bị hại Sủng A N, Lý Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện các bị cáo Giàng A C và Giàng A S đã thực hiện hành vi bắt giữ trái phép đối với Lý Thị U và Sủng A N vào đêm ngày 27/10/2019 đến sáng ngày 28/10/2019. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật là có căn cứ đúng người, đúng tội các bị cáo không bị oan sai, bị cáo Giàng A S cũng không có khiếu nại gì về tồi danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Giàng A C và người bào chữa cho bị cáo Giàng A C cũng không cung cấp thêm chứng cứ tài liều nào mới do vậy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo Giàng A C.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Giàng A S: Về hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội bắt giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 2 điều 157/BLHS là có căn cứ vì trong vụ án này bị cáo là người trực tiếp bắt giữ và trói đối với 02 người là Lý Thị U và Sủng A N.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Sủng A N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Giàng A S đã bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại (trong tổng số tiền 20.000.0000 đồng đã bồi thường) nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51/BLHS đối với bị cáo Giàng A S. Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giàng A S, không chấp nhận nôi dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Giàng A S. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội bắt giữ người trái phép; Áp dụng khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A S 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Do không đồng ý với Bản án hình sự số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, ngày ngày 21/8/2019 và ngày 26/8/2019 các bị cáo Giàng A C đã làm đơn kháng cáo kêu oan và bị cáo Giàng A S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo

Giàng A C đã làm đơn trong hạn luật định, bị cáo Giàng A S thay đổi nội dung kháng cáo nhưng đều trong phạm vị xét xử phúc thẩm nên được coi là hợp lệ.

[2] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và lời khai của các bị cáo. Sau khi kiểm tra xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo, lơi khai của các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thể hiện:

Do có nghi ngờ bị hại Lý Thị U (là con dâu, vợ của Giàng A S) có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác (sau đó được xác định là bị hại Sủng A N). Khoảng 19 giờ ngày 27/10/219 Giàng A C đi xe máy đến khu vực ngã ba đường rẽ xuống lán ruộng đứng chờ Giàng A S, một lúc sau thấy S đi nhờ xe mô tô của Giàng A T từ huyện A về, khi cả ba đang đứng nói chuyện thì gặp Giàng A X đang đi xem ruộng, C đã nói lại toàn bộ nội dung sự việc nghi ngờ con dâu là Lý Thị U vợ của S ngoại tình cho Giàng A X, Giàng A S và Giàng A T biết. Sau đó C bảo S và T đi đến đường rẽ xuống ruộng phía gần Trại giam N, còn C và X đứng ở mỏm đất cao khu gần đường rẽ xuống lán ruộng để quan sát, nếu có người đi vào lán ruộng thì sẽ đi theo để xem có đúng là người đó ngoại tình với con dâu hay không. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Sủng A N điều khiển xe máy đi qua Trại giam N hướng lên bản H, xã N, khi đến lưng chừng dốc do không biết đường vào lán ruộng, N dừng xe tắt máy rồi gọi điện thoại cho Lý Thị U hỏi đường, sau khi được U chỉ dẫn N quay xe rẽ theo đường mòn phía gần Trại giam N, đến bãi rong riềng gần ruộng N để xe máy lại rồi dùng đèn của điện thoại soi đường đi bộ men theo bờ suối, rồi đi tắt qua ruộng vào lán trông ruộng. Khi đó S quan sát thấy N để xe máy ở bãi rong riềng và soi đèn đi hướng vào lán ruộng thì gọi điện thoại nói cho C biết. C bảo S: Cứ đi theo sau luôn, nếu vào lán ruộng nhà mình thì vào bắt luôn. C tắt máy và bảo X: S bảo có người để xe máy ở bãi rong riềng gần ruộng rồi, anh đi đến chỗ để xe, nếu có ai đến lấy xe máy thì hỏi xem là ai, đến đây để làm gì. Nói xong C đi theo đường xuống phía lán trông ruộng còn X đi bộ đến chỗ N để xe máy.

N soi đèn đi đến lán ruộng thì gặp U đang ngồi trên sàn lán, N đứng ở dưới đất hỏi U: Lán ở chỗ rậm thế này thì đường từ nhà xuống ở chỗ nào? U trả lời: Từ nhà xuống chỉ để xe máy ở bãi bằng trên kia, đường dốc không xuống được đồng thời U chỉ cho N đường mòn cạnh lán, N đi theo đường mòn lên dốc để xem đường.

Khi C theo đường mòn đến cách lán ruộng khoảng hơn 10 mét thì gặp N đang đi theo đường mòn về phía C, C bật đèn pin đang đeo trên đầu soi vào mặt N rồi vật N đè xuống đất và hô to: Lên đây, trên này rồi, lúc đó S kéo theo Lý Thị U, tiếp theo sau T cũng đến chỗ C đang giữ N. S hỏi N và U: Hai người chúng mày có biết nhau không? N và U đều trả lời là: Có biết nhau. S nói tiếp: Hai người chúng mày ở đây thì chắc quan hệ với nhau rồi. S dùng tay, chân tát, đấm đá vào mặt vào người N. Sau đó S quay lại lán ruộng lấy 01 đoạn dây thừng màu xanh quay lại buộc 01 đầu dây vào cổ tay phải của N, đầu dây còn lại buộc vào cổ tay

trái của U, rồi C, S dẫn N và U theo đường mòn lên đường nhựa đi đến chỗ N đã giấu xe máy. Đến nơi S gỡ đầu dây đang buộc ở cổ tay U ra và buộc vào gương xe máy của N, rồi yêu cầu N dắt xe còn U đẩy phía sau xe máy đi về bản giải quyết. Giàng A X, Giàng A T cũng đi theo về bản. Tại nhà C, S lấy 01 sợi dây thừng màu trắng buộc 01đầu dây vào cổ tay trái của U rồi tiếp tục dùng phần đầu dây còn lại buộc chung lại với tay phải của N. Sau đó C có nhờ Giàng A L đến lập "Biên bản bắt quả tang" có nội dung là bắt quả tang về việc N và U đang quan hệ tình dục tại lán ruộng của ông Giàng A C và "Biên bản niêm phong tang vật" tạm giữ toàn bộ giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe mô tô của N. Khi lập các biên bản xong C bảo N gọi điện cho gia đình đến để giải quyết sự việc. Khoảng 22 giờ cùng ngày C, S đưa Sủng A N và Lý Thị U đến nhà trưởng bản Vàng A Y chờ gia đình N đến giải quyết. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì Sủng A Z là anh trai của N và Hờ Thị G là vợ của N cùng một số người trong gia đình của N đến nhà Vàng A Y. Sau khi trao đổi, thỏa thuận gia đình N đồng ý bồi thường danh dự cho gia đình S số tiền là 20.000.000đ. Khoảng 06 giờ ngày 28/10/2018 Lý Thị U được C, S cho về nhà; khoảng 09 giờ cùng ngày N được C, S cho về nhà để chữa trị vết thương; Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2018 Sủng A Z giao 19.900.000đ cho Giàng A C, khi nhận tiền C đã nhờ Giàng A I lập biên bản thỏa thuận, sau đó C trả lại các đồ vật đã giữ của N cho Z.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội "Bắt giữ người trái phép" theo quy định tại khoản 2 Điều 157/BLHS là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật, các bị cáo không bị oan sai, bị cáo Giàng A S không có khiếu nại gì về tội danh mà tòa Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo,

Do vậy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bi cáo Giàng A C, cũng như đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo Giàng A C, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355/BLTTHS giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ đối với bị cáo Giàng A C.

Đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Giàng A S HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Sủng A N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo Giàng A S đã bồi thường thiệt hại về tình thần và sức khỏe cho bị hại Sủng A N (tổng số tiền là 20.000.000đ) bị cáo Giàng A S cũng khai nhận trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Giàng A S đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Sủng A N do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51/BLHS đối với bị cáo.

Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật cần chấp nhận nội kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và xem xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Về nôi dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần thiết phải

cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Giàng A S cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Giàng A S.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357/BLTTHS, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Giàng A C. Sửa Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Giàng A S theo hướng giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Giàng A S.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân nhân huyện Đ, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra công an huyện Đ chưa thực hiện chưa đầy đủ việc điều tra vụ án cũng như trả lại số tiền 19.900.000đ cho bị hại Sủng A N là không đúng quy định của pháp luật vì đó là vật chứng của vụ án. HĐXX phúc thẩm thấy rằng đề nghị này của người bào chưa là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với hành vi chiếm đoạt số tiền trên của các bị cáo nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, số tiền đó không phải là vật chứng vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ đúng luật định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giàng A C nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo đối với bị cáo Giàng A S nên bị cáo Giàng A S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Giàng A C.

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với bị cáo Giàng A S.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giàng A C, giữ nguyên bản án hình sự số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, đối với bị cáo Giàng A C.

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Giàng A S. Sửa một phần bản án hình sự số 113/2019/HSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Giàng A S.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đối với bị cáo Giàng A C.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Giàng A S.

3. Tuyên bố: Bị cáo Giàng A C và bị cáo Giàng A S đều phạm tội *"Bắt giữ người trái pháp luật"*

- Xử phạt bị cáo Giàng A S 16 (Mười sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 24/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Giàng A C 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/8/2019. Tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Giàng A C cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Giàng A C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015;điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm h Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Giàng A C. Bị cáo Giàng A S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/10/2019).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Đoàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL&NVLQ;
- Người bào chữa;
- UBND xã;
- Phòng Hành chính-Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS.